



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 9.2014

Được phát hành vào ngày 13/10/2014



MỤC LỤC

Kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán Tháng 09/2014

Kinh tế vĩ mô

Thị trường chứng khoán

Tình hình hoạt động và đầu tư của Quỹ

Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ

GDP TIẾP TỤC MỞ RỘNG

Kinh tế tiếp tục xu hướng mở rộng trong quý 3/2014 với việc GDP tăng 5,62% và cao hơn mức 5,14% và 5,1% của cùng kỳ 2013 và 2012. Thêm vào đó, xu hướng tăng trưởng tốt hơn khi GDP quý 3 tăng 6,19% từ 5,42% và 5,09% của quý 2 và quý 1. Đáng lưu ý, khu vực công nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ hơn với 6,42% và đóng góp 2,46 điểm phần trăm vào tổng tăng trưởng GDP. Xu hướng phục hồi của kinh tế đang rõ nét hơn khi sản xuất đang ở xu thế mở rộng trong vòng 13 tháng qua khi chỉ số PMI tháng Chín ở 51,7 và bán lẻ hàng hóa dịch vụ đang dần cải thiện với mức tăng 6,2% trong chín tháng.

Trong quý bốn, kinh tế có nền tảng để tiếp tục tăng trưởng tốt hơn. Chính phủ ước tính mức tăng trưởng cả năm 2014 ở mức 5,8%, khá sát với mục tiêu đề ra cả năm. Trong 2015, đà phục hồi sẽ tiếp tục mạnh hơn và Bộ Kế Hoạch Đầu Tư ước tính mức tăng trưởng 6,2%. Tuy nhiên, với đà phục hồi này, nhiều khả năng GDP sẽ mở rộng hơn mức mong đợi vào năm 2015.

LẠM PHÁT TIẾP TỤC THẤP VÀ ỔN ĐỊNH

Trong tháng Chín, chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,4% so với 0,22% và 0,23% trong tháng Tám và tháng Bảy, đưa lạm phát tính theo năm xuống 3,63% so với 6,3% một năm trước đó. Áp lực lên lạm phát trong tháng Chín chủ yếu đến từ việc tăng giá nhóm thực phẩm và dịch vụ ăn uống (+0,22%), dược phẩm và dịch vụ y tế (+0,23%), may mặc và giày dép (+0,32%).

Lạm phát của quý bốn ước tính sẽ tăng cao hơn do tiềm năng điều chỉnh giá điện, điều chỉnh tỷ giá, và tăng giá của nhóm dịch vụ giáo dục và y tế. Tuy nhiên, lạm phát cả năm ước tính vẫn ở mức dưới 5%, thấp nhất trong 10 năm, tạo một môi trường vĩ mô ổn định hơn và tạo điều kiện cho việc giảm các lãi suất chính sách. Theo đó, chúng tôi mong đợi mức giảm lãi suất chính sách khoảng 0,5% trong thời gian tới.

TÍN DỤNG TĂNG TÍCH CỰC

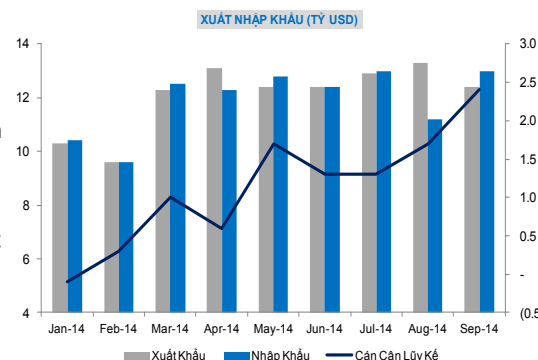
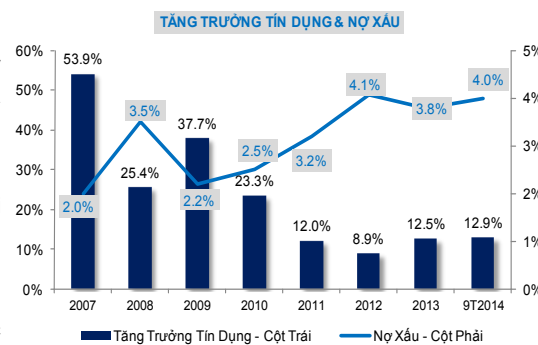
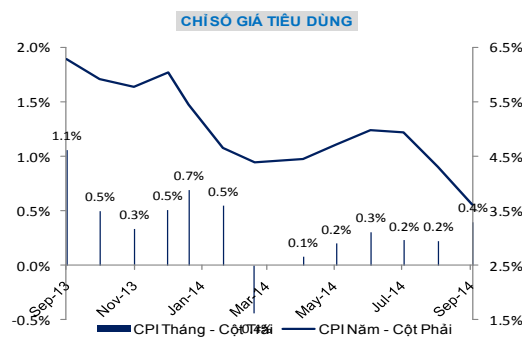
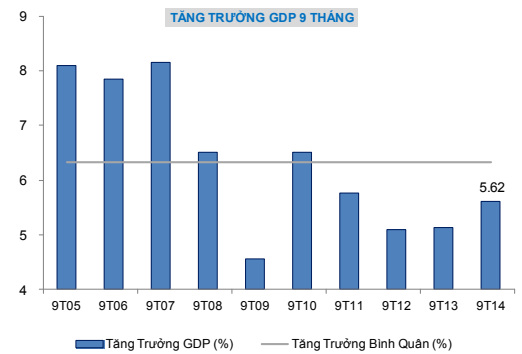
Hoạt động cho vay của ngân hàng trong tháng Chín tăng mạnh nhất trong 9 tháng với 2,6% so với 0,9% của tháng Tám và 0,1% trong tháng Bảy, đưa mức tăng trưởng theo năm lên 12,9% so với tháng 9/2013 và 7,3% so với đầu năm. Cùng kỳ năm trước, tín dụng tăng 13,7%. Các ngân hàng đã giải ngân cho các dự án lớn và cho thấy dấu hiệu giải ngân tiếp tục tăng cao hơn trong quý 4 như dự báo. Do đó, nhiều khả năng tăng trưởng tín dụng sẽ cao hơn mức dự kiến 12% cho cả năm.

Công ty định mức tín nhiệm Moody's vừa ra đánh giá triển vọng tích cực hơn đối với ngành ngân hàng Việt Nam nhờ vào môi trường vĩ mô ổn định. Theo đó, cho dù vấn đề nợ xấu, chất lượng tài sản, và sinh lời của ngành ngân hàng vẫn còn là vấn đề, ngành ngân hàng đã giảm rủi ro thanh khoản, tăng năng lực quản trị, và tăng quản trị rủi ro. Chúng tôi cho rằng ngành ngân hàng sẽ cần thêm thời gian để thực sự giải quyết các vấn đề nợ xấu và hiệu quả hoạt động.

XUẤT KHẨU GIỮ TỐC ĐỘ

Cho dù tăng trưởng chậm lại trong quý ba so với đà tăng của quý hai, xuất khẩu vẫn đạt mức tăng 14,1% trong khi nhập khẩu chỉ tăng 11,1% trong chín tháng đầu năm. Cán cân thanh toán khá cân bằng này đem lại thặng dư 2,4 tỷ đô-la trong Chín tháng, chủ yếu nhờ vào khu vực FDI, đóng góp 67,5% vào xuất khẩu từ các sản phẩm điện thoại và linh kiện, máy tính và linh kiện, và dệt may.

Xuất khẩu được kỳ vọng giữ tốc độ tăng trưởng tốt như hiện nay, làm nền tảng tốt cho năm 2015 nhờ vào kết quả tốt của khu vực doanh nghiệp nước ngoài. Do đó, chúng tôi kỳ vọng mức thặng dư thương mại khoảng 2-3 tỷ đô-la cho cả năm 2014, giúp duy trì sự ổn định của tiền đồng và tăng dự trữ ngoại hối.



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

THANH KHOẢN VẪN Ở MỨC CAO MẶC DÙ THỊ TRƯỜNG GIẢM ĐIỂM

Kết thúc tháng Chín, VN-Index đóng cửa ở mức 598,8 điểm, giảm 37,85 điểm so với đầu tháng, tương đương giảm 5,95% so với cuối tháng Tám. Khối lượng giao dịch đạt gần 3,4 tỷ cổ phiếu, tăng 33% so với tháng Tám. Giá trị giao dịch đạt gần 64,3 ngàn tỷ đồng tăng 31% so với tháng Tám. Dòng tiền vẫn tiếp tục vào thị trường, chủ yếu tập trung vào những cổ phiếu đầu cơ của các nhóm ngành như: thủy sản, chứng khoán, bất động sản và cổ phiếu dầu khí. Nhưng ngược lại, VN-Index lại giảm điểm mạnh do chịu ảnh hưởng khá nhiều bởi lực bán ở các cổ phiếu bluechips như GAS (làm VN-Index giảm 2,92%), VIC (làm VN-Index giảm 1,21%), VCB (làm VN-Index giảm 0,5%) và hoạt động chốt lời của nhóm cổ phiếu dầu khí khi nhóm này đã có một thời gian tăng điểm khá ấn tượng trong tháng Tám.

Ngược với xu hướng của VN-Index, chỉ số HNX-Index của Hà Nội có một tháng giao dịch tăng điểm nhẹ, đóng cửa cuối tháng Chín tại 88,63 điểm, tăng 1,3 điểm so với tháng Tám, tương đương tăng 1,49%. Tổng khối lượng giao dịch đạt 1,7 tỷ cổ phiếu tăng 35% so với tháng 8, tổng giá trị giao dịch đạt 24,7 ngàn tỷ đồng tăng 49% so với tháng Tám.

NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ BA THÁNG BÁN RÒNG LIÊN TIẾP

Trong tháng Chín, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có động thái bán ròng cổ phiếu. Trên sàn HOSE, khối ngoại bán ròng về giá trị trong 11 ngày giao dịch và mua ròng trong 9 ngày giao dịch. Tổng giá trị bán ròng 839 tỷ đồng. Trong khi đó, trên sàn Hà Nội, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng gần 290 tỷ đồng.

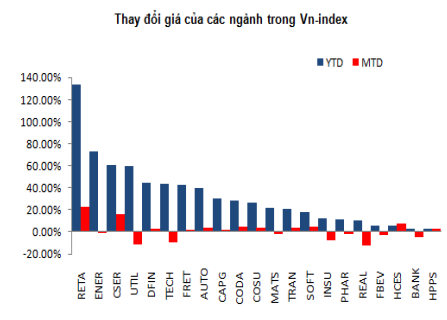
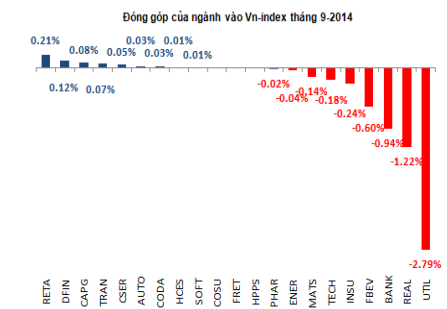
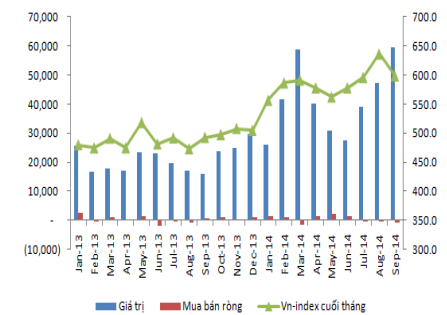
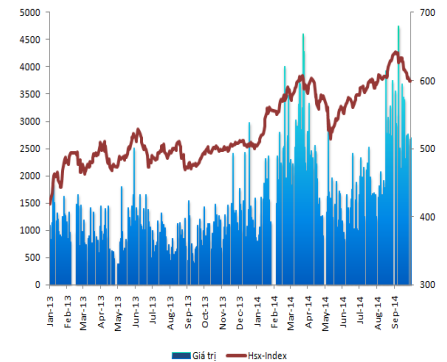
Ngược với xu hướng bán ròng của các nhà đầu tư nước ngoài khác, hai quỹ ETF nước ngoài thu hút được 39 triệu USD, mức lớn nhất kể từ tháng Năm tuy vẫn giao dịch ở mức giá thấp hơn giá trị tài sản ròng trong thời gian dài. Đặc biệt quỹ DB được bơm vốn hơn 35 triệu USD trong tuần cuối tháng Chín, chuỗi ngày mà Vn-Index liên tục giảm, lập lại hành động mà họ từng làm vào tháng 5 khi thị trường giảm mạnh từ sự kiện tranh chấp Biển Đông.

MỘT SỐ NGÀNH LỚN VẪN TĂNG TRƯỞNG THẤP HƠN VN-INDEX

Từ đầu năm đến nay ta thấy VN-Index tăng 18,66%, trong đó các ngành tăng giá mạnh nhất lại là các ngành chiếm tỷ trọng thấp trong VN-Index. Ngược lại ba ngành chiếm tỷ trọng cao trong Vn-Index lại có mức tăng thấp bao gồm: Ngành ngân hàng (Bank) chiếm tỷ trọng 18,04% chỉ mới tăng 3,13% so với đầu năm, ngành thực phẩm và nước giải khát (FBEV) chiếm tỷ trọng 19,44% nhưng chỉ mới tăng 5,69% so với đầu năm, ngành bất động sản (REAL) chiếm tỷ trọng 8,64% chỉ mới tăng 10,59% so với đầu năm. Như vậy ta có thể kỳ vọng khi các cổ phiếu của ba nhóm ngành này tăng giá sẽ giúp Vn-Index tiếp tục tăng điểm trong ba tháng còn lại của năm.

KHỐI TỰ DOANH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CŨNG BÁN RÒNG MẠNH

Trong hai tháng Bảy và Tám, các công ty chứng khoán đã mua ròng liên tiếp với giá trị mua ròng lần lượt là 364 tỷ đồng và 16 tỷ đồng qua đó gián tiếp giúp VN-Index tăng 9,91%. Tuy nhiên, trong tháng Chín các công ty chứng khoán quay sang bán ròng 50,6 tỷ đồng. Động thái bán ròng này cũng phần nào ảnh hưởng đến sự giảm điểm của VN-Index.



QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Tháng 9 - 2014

THÔNG TIN QUỸ

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên quỹ | Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt |
| Mã giao dịch | VFMVF1 |
| Loại hình quỹ | Quỹ mở |
| Tiền tệ | VND |
| Ngày bắt đầu hoạt động | 20/05/2004 |
| Ngày chuyển đổi sang quỹ mở | 08/10/2013 |
| Công ty QLQ | VietFund Management (VFM) |
| Ngân hàng giám sát | Standard Chartered Bank VN. |
| Đại lý chuyển nhượng | Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) |
| Đại lý phân phối | HSC, FPT, KIS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VFM |
| Phí quản lý | 1.95%/NAV/năm |
| Phí phát hành | Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu) |
| Phí mua lại | Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ |
| Phí chuyển đổi | 0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi |
| Giá trị đặt mua tối thiểu | 1 triệu đồng |
| Số dư tối thiểu trên tài khoản | 100 CCQ |
| Kỳ giao dịch | Thứ Năm hàng tuần (ngày T) |
| Hạn nộp lệnh giao dịch | 10h30 sáng ngày T-1 |
| Phân phối lợi nhuận | Tái tục đầu tư |

| | |
|----------------------------------|--------------|
| Tổng NAV (tỷ VNĐ) | 974.0 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành | 42,346,469.1 |
| NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ) | 23,917.2 |
| NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ) | 18,756.1 |
| Tỷ lệ chi phí (%) | 2.3 |
| Vòng quay tài sản (%) | 58.5 |

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Cùng với đà suy giảm chung của nhiều cổ phiếu blue-chip trên thị trường trong tháng 9, giá trị mỗi chứng chỉ quỹ VF1 giảm 3% trong khi VNIndex sụt giảm đến 5.9%. Tuy nhiên, lũy kế từ đầu năm thì VF1 vẫn tăng trưởng 20.7%, hơn VNIndex 2%.

Hầu hết các cổ phiếu trong danh mục bị điều chỉnh trong tháng, trong đó có các cổ phiếu chiếm tỷ trọng lớn gồm có GAS (-13%), FPT (-9%), VNM (-5%), và VIC (-13), làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của quỹ. Đi ngược lại với xu hướng chung của thị trường, cổ phiếu DBC tăng +15%, DIG tăng +12%, SSI tăng +10%. Bên cạnh đó, lợi suất trái phiếu các kỳ hạn dài, đặc biệt là kỳ hạn 10 năm và 15 năm, có sự suy giảm mạnh, khiến trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm (chiếm 3.5%NAV) trong danh mục tăng đến 8% trong tháng 9, góp phần giúp danh mục đầu tư của VF1 tăng trưởng tốt hơn thị trường.

Top 5 cổ phiếu có sự thay đổi, theo đó quỹ giảm tỷ trọng FPT còn 8.8% NAV, đưa GAS trở thành cổ phiếu tỷ trọng cao nhất danh mục (10.2% NAV). Chúng tôi kỳ vọng tiềm năng tăng trưởng của cổ phiếu GAS do những đánh giá về cơ bản vẫn tốt như ở kỳ báo cáo trước; giá GAS bị điều chỉnh trong tháng chủ yếu do khối ngoại bán ròng.

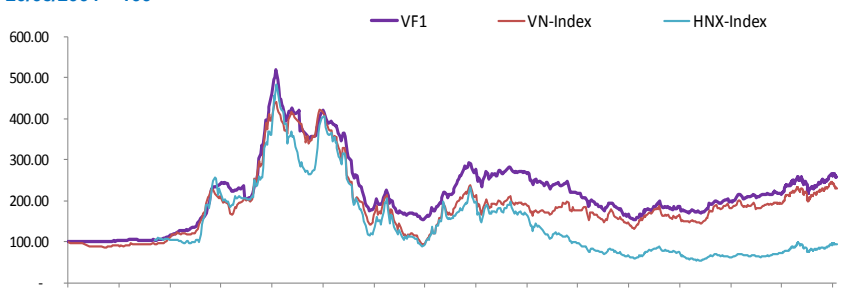
Kết thúc quý 3, quỹ VF1 tăng trưởng 8.3%, trong khi VNIndex chỉ tăng trưởng 3.6%. Hầu hết các cổ phiếu trong danh mục đều đóng góp vào tăng trưởng của quỹ, nổi bật là FPT (+14%), PVD (+25%), PVS (+19%), và DBC (+30%).

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

| | NAV/CCQ (đồng) & Index | Tăng trưởng (%) | | | | |
|------------------|------------------------|-----------------|---------|-------------------|-----------------|-------------------------|
| | | 1 tháng | 3 tháng | Lũy kế từ đầu năm | Lũy kế 12 tháng | Lũy kế từ khi hoạt động |
| VFMVF1 | 23,000.2 | (3.0) | 8.3 | 20.7 | 22.4 | 130.0 |
| VN-Index | 598.8 | (5.9) | 3.6 | 18.7 | 21.6 | 128.9 |
| HNX-Index | 88.6 | 1.8 | 13.7 | 30.6 | 45.4 | n/a |

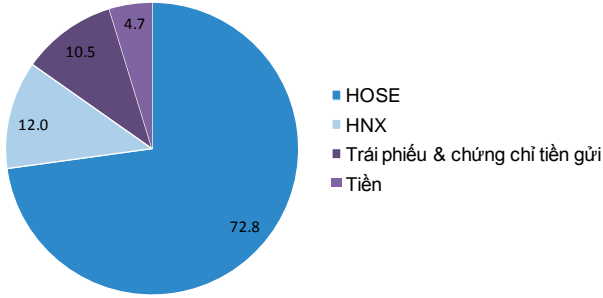
TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



(*) Đường tăng trưởng của VF1 đã bao gồm có tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

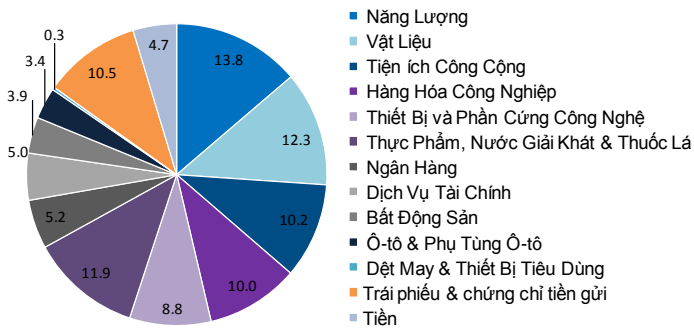
CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

| Cổ phiếu | Nhóm ngành | Sàn giao dịch | % NAV |
|----------|---------------------------------|---------------|-------|
| GAS | Tiện ích Công Cộng | HOSE | 10.2 |
| FPT | Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ | HOSE | 8.8 |
| HPG | Vật Liệu | HOSE | 7.1 |
| PVD | Năng Lượng | HOSE | 7.0 |
| PVS | Năng Lượng | HNX | 6.8 |

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

| | VF1 | VNIndex |
|--|------|---------|
| P/E trung vị | 13.6 | 10.3 |
| P/E bình quân gia quyền | 19.6 | 15.3 |
| P/B trung vị | 2.1 | 1.0 |
| P/B bình quân gia quyền | 2.5 | 2.0 |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%) | 19.4 | 13.5 |
| Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%) | 3.7 | 3.7 |
| Số lượng cổ phiếu | 29 | 302 |

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

| Tài sản đầu tư | Giới hạn |
|--|----------|
| Tiền và tương đương tiền | 49% TTS |
| Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu | 30% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 20% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 10% GTLH |
| Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD | 10% TTS |
| Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên) | 40% TTS |

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

| | VF1 | VNIndex |
|-------------------|------|---------|
| Hệ số Beta | 0.8 | 1.0 |
| Độ lệch chuẩn (%) | 15.5 | 15.7 |
| Hệ số Sharpe | 1.0 | 1.3 |

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VF4

Tháng 9 - 2014

THÔNG TIN QUỸ

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên quỹ | Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam |
| Mã giao dịch | VFMVF4 |
| Loại hình quỹ | Quỹ mở |
| Tiền tệ | VND |
| Ngày bắt đầu hoạt động | 28/02/2008 |
| Ngày chuyển đổi sang quỹ mở | 16/12/2013 |
| Công ty QLQ | VietFund Management (VFM) |
| Ngân hàng giám sát | Deutsche Bank AG - Tp.HCM |
| Đại lý chuyển nhượng | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) |
| Đại lý phân phối | HSC, FPTIS, KIS, SSI, VCSC, VDSC, VFM, VCBS, SBS |
| Phí quản lý | 1.93% |
| Phí phát hành | Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng) |
| Phí mua lại | Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày) |
| Phí chuyển đổi | 0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi. |
| Giá trị đặt mua tối thiểu | 1 triệu đồng |
| Số dư tối thiểu trên tài khoản | 100 CCQ |
| Kỳ giao dịch | Thứ Tư hàng tuần (ngày T) |
| Hạn nộp lệnh giao dịch | 10h30 sáng ngày T-1 |
| Phân phối lợi nhuận | Tái tục đầu tư |

| | |
|----------------------------------|--------------|
| Tổng NAV (tỷ VNĐ) | 463.5 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành | 44,501,740.8 |
| NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ) | 10,901.6 |
| NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ) | 8,289.5 |
| Tỷ lệ chi phí (%) | 2.3 |
| Vòng quay tài sản (%) | 64.5 |

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 9, giá trị tài sản ròng (NAV) trên mỗi đơn vị quỹ VF4 chịu ảnh hưởng của thị trường điều chỉnh giảm trong tháng. Ảnh hưởng lớn nhất là từ các cổ phiếu có tỷ trọng lớn như GAS (-13%), VNM (-5%). Tuy nhiên, do VF4 phần lớn nắm giữ cổ phiếu doanh nghiệp hàng đầu nên mức giảm của NAV/CCQ vẫn thấp hơn mức giảm của thị trường chung (4,5% so với 5,9% của VNIndex và 4,8% của VN30). Ngoài ra, VF4 cũng nắm giữ xấp xỉ 18%NAV một số cổ phiếu có tăng trưởng tốt đi ngược với xu hướng thị trường như SSI (+10%), DIG (+12%), DRC (+6%)...

Tận dụng giai đoạn thị trường điều chỉnh giảm, VF4 tiếp tục giải ngân gia tăng tỷ trọng ở các ngành có tiềm năng như Bất động sản, Dệt may đón đầu các cơ hội tăng trưởng trong năm 2015.

Lũy kế từ đầu năm thì giá trị tài sản ròng/CCQ của VF4 vẫn giữ tăng trưởng cao 23.1%, vượt qua VNIndex 4.5%.

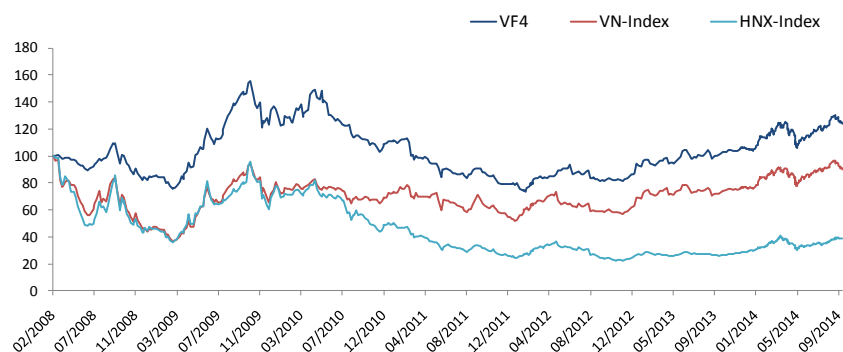
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

| | NAV/CCQ (đồng) & Index | Tăng trưởng (%) | | | | |
|-----------|------------------------|-----------------|---------|-------------------|-----------------|-------------------------------------|
| | | 1 tháng | 3 tháng | Lũy kế từ đầu năm | Lũy kế 12 tháng | Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008) |
| VFMVF4 | 10,415.5 | (4.5) | 7.6 | 23.1 | 25.3 | 24.2 |
| VN-Index | 598.8 | (5.9) | 3.6 | 18.7 | 21.6 | (9.7) |
| HNX-Index | 88.6 | 1.8 | 13.7 | 30.6 | 45.4 | (61.2) |

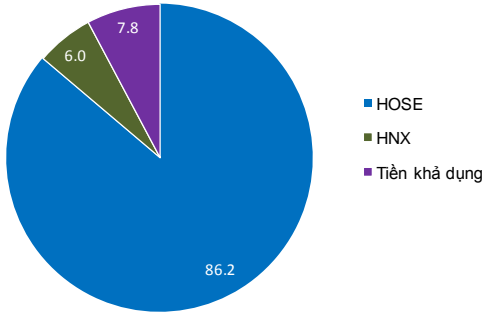
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

28/02/2008 = 100



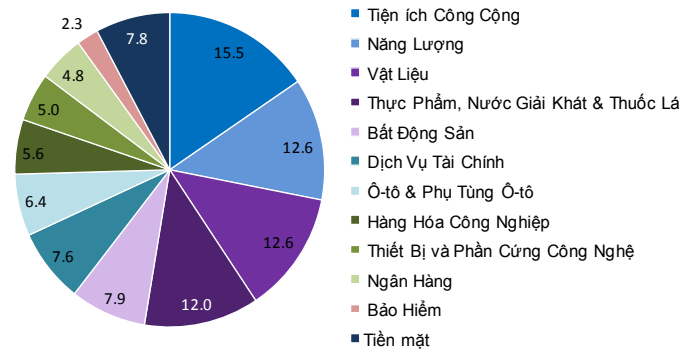
CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



5 CP CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

| Cổ phiếu | Nhóm ngành | Sàn giao dịch | % NAV |
|----------|---------------------------|---------------|-------|
| GAS | Tiện ích Công Cộng | HOSE | 14.6 |
| PVD | Năng Lượng | HOSE | 9.0 |
| HPG | Vật Liệu | HOSE | 8.3 |
| VNM | Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá | HOSE | 8.0 |
| REE | Hàng Hóa Công Nghiệp | HOSE | 5.0 |

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

| | VF4 | VN-Index |
|--|------|----------|
| P/E trung vị | 16.9 | 10.1 |
| P/E bình quân gia quyền | 22.5 | 16.5 |
| P/B trung vị | 2.2 | 1.0 |
| P/B bình quân gia quyền | 2.1 | 2.2 |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%) | 14.3 | 13.5 |
| Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%) | 2.0 | 3.7 |
| Số lượng cổ phiếu | 25 | 302 |

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

| Tài sản đầu tư | Giới hạn |
|--|----------|
| Tiền và tương đương tiền | 49% TTS |
| Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu | 30% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 20% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 10% GTLH |
| Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD | 10% TTS |
| Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên) | 40% TTS |

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

| | VF4 | VN-Index |
|-------------------|------|----------|
| Hệ số Beta | 0.9 | 1.0 |
| Độ lệch chuẩn (%) | 16.9 | 15.2 |
| Hệ số Sharpe | 1.6 | 1.5 |

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ ĐẦU TƯ VFA

Tháng 9-2014

THÔNG TIN QUỸ

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên quỹ | Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam |
| Mã giao dịch | VFMVFA |
| Loại hình quỹ | Quỹ mở |
| Tiền tệ | VNĐ |
| Ngày bắt đầu hoạt động | 02/04/2010 |
| Ngày chuyển đổi sang quỹ mở | 18/4/2013 |
| Công ty QLQ | VietFund Management (VFM) |
| Ngân hàng giám sát | HSBC Việt Nam |
| Đại lý chuyển nhượng | HSBC Việt Nam |
| Đại lý phân phối | VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPTSS |
| Phí quản lý | Tối đa 2%/NAV/năm |
| Phí phát hành | Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng) |
| Phí mua lại | Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày) |
| Phí chuyển đổi | 0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi |
| Giá trị đặt mua tối thiểu | 1 triệu đồng |
| Số dư tối thiểu trên tài khoản | 100 CCQ |
| Kỳ giao dịch | Thứ Sáu hàng tuần (ngày T) |
| Hạn nộp lệnh giao dịch | 10h30 sáng ngày T-1 |
| Phân phối lợi nhuận | Tái tục đầu tư |

| | |
|----------------------------------|--------------|
| Tổng NAV (tỷ VNĐ) | 91.1 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành | 11,885,261.7 |
| NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ) | 7,901.8 |
| NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ) | 6,906.1 |
| Tỷ lệ chi phí (%) | 2.2 |
| Vòng quay tài sản (%) | 168.5 |

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

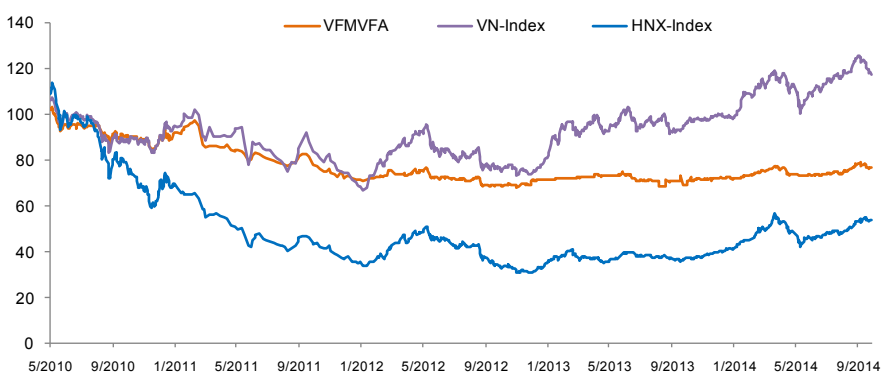
Trong tháng 09 năm 2014 thị trường cổ phiếu Việt Nam biến động trái chiều khi mà VN-Index giảm 5.9% xuống mức dưới 600 còn HNX-Index tiếp tục tăng với mức 1.8% đạt 88.6 điểm. Trong thời gian đó chỉ số VN30-Index cũng chịu áp lực giảm điểm với mức giảm 4.8%. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,665.4 đồng/ccq, giảm 2.1% so với tháng trước.

Trong tháng 09/2014, các chiến lược đầu tư của Quỹ tiếp tục thực hiện giải ngân ròng trên sàn HOSE nhưng với giá trị thấp nên cơ cấu tài sản của Quỹ thay đổi không đáng kể khi tỷ trọng cổ phiếu trên sàn HOSE tăng lên 58.3% NAV và còn lại 41.7% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn. Trong tháng, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ theo chiến lược không có thay đổi nhiều so với tháng trước khi chiến lược MATF trên cổ phiếu chiếm 29.6% NAV, chiến lược Chọn lọc tín hiệu chiếm 30.7% NAV, chiến lược HVTF1.0 chiếm 10.5% NAV và chiến lược HVTF1.1 chiếm 29.2% NAV.

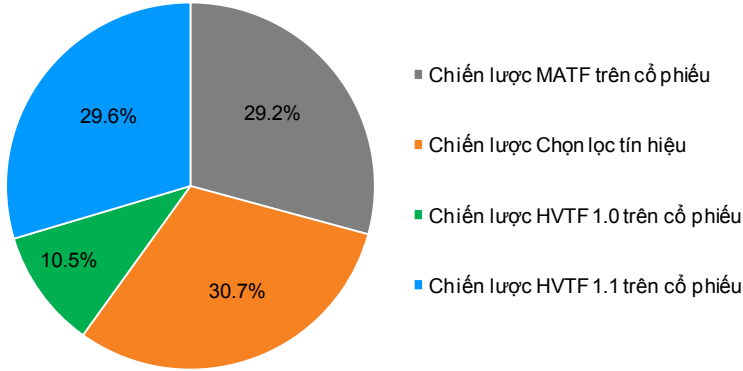
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

| | NAV/CCQ (đồng) & Index | Tăng trưởng (%) | | | | Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010) |
|------------|------------------------|-----------------|---------|-------------------|-----------------|-------------------------------------|
| | | 1 tháng | 3 tháng | Lũy kế từ đầu năm | Lũy kế 12 tháng | |
| VFMVFA | 7,665.4 | (2.1) | 4.2 | 6.2 | 11.0 | (23.3) |
| VN-Index | 598.8 | (5.9) | 3.6 | 18.7 | 21.6 | 17.3 |
| HNX-Index | 88.6 | 1.8 | 13.7 | 30.6 | 45.4 | (46.0) |
| VN30-Index | 644.3 | (4.8) | 4.7 | 14.4 | 16.8 | 20.6 |

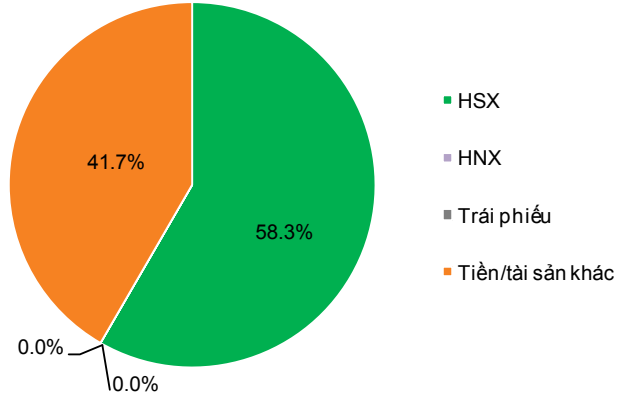
TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX 02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

| | VFA | VN-Index |
|-------------------|-----|----------|
| Hệ số Beta | 0.2 | 1.0 |
| Độ lệch chuẩn (%) | 7.4 | 15.7 |
| Hệ số Sharpe | 0.7 | 1.3 |

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

| Tài sản đầu tư | Giới hạn |
|--|----------|
| Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ... | 49% TTS |
| Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu | 30% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 20% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 10% GTLH |
| Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD | 10% TTS |
| Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên) | 40% TTS |

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

| | |
|--------------------------------|---|
| Tên quỹ | Quỹ Đầu tư Trái phiếu Việt Nam |
| Mã giao dịch | VFMVFB |
| Loại hình quỹ | Quỹ mở |
| Tiền tệ | VNĐ |
| Ngày bắt đầu hoạt động | 10/06/2013 |
| Công ty QLQ | VietFund Management (VFM) |
| Ngân hàng giám sát | Deutsche Bank AG HCM |
| Đại lý chuyển nhượng | Deutsche Bank AG HCM |
| Đại lý phân phối | HSC, KIS, VCSC, VDSC, VFM, FPTST |
| Phí quản lý | 0.9%/NAV/năm |
| Phí phát hành | Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng) |
| Phí mua lại | Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày) |
| Phí chuyển đổi | 0.2% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi |
| Giá trị đặt mua tối thiểu | 1 triệu đồng |
| Số dư tối thiểu trên tài khoản | 100 CCQ |
| Kỳ giao dịch | ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T) |
| Hạn nộp lệnh giao dịch | 10h30 sáng ngày T-1 |
| Phân phối lợi nhuận | Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng) |

| | |
|----------------------------------|-------------|
| Tổng NAV (tỷ VNĐ) | 83.9 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành | 7,146,888.4 |
| NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ) | 11,735.1 |
| NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ) | 9,440.9 |
| Vòng quay tài sản trong năm (%) | 210.5 |

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

Ghi chú

(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/6 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nếu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nếu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 9 2014, NAV trên chứng chỉ quỹ của Quỹ VFMVFB tăng 4,35% so với tháng trước. Tăng trưởng đột biến trong tháng 9 như đã nêu là kết quả của việc suy giảm đột biến lợi suất trái phiếu chính phủ (TPCP) trên tất cả các kỳ hạn. Lợi suất trái phiếu đã có sự suy giảm chưa từng thấy trong giai đoạn từ 2011 tới nay với sự suy giảm trên cả thị trường thứ cấp và thị trường sơ cấp. Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn dài, đặc biệt là kỳ hạn 10 năm và 15 năm, có sự suy giảm mạnh nhất với mức suy giảm lợi suất kỳ hạn 10 năm vào thời điểm cuối tháng 9 giảm tới 198 điểm cơ bản so với cuối tháng 8. Trên thị trường sơ cấp, lợi suất trúng thầu trái phiếu kỳ hạn 15 năm đã giảm từ mức 8% vào ngày 11/9 xuống mức 6,96% vào ngày 2/10. Lợi suất TPCP đã giảm vượt mức kỳ vọng của các thành viên thị trường, tuy nhiên các diễn biến về kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, lãi suất cho vay, tăng trưởng tín dụng và cung tiền vẫn đang ủng hộ việc suy giảm của lợi suất trái phiếu. Thị trường trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp cũng có sự sôi động đáng kể trong tháng 9 do sự gia tăng phát hành nhân cơ hội lãi suất thấp và xuất hiện nhu cầu mua từ thị trường. Thanh khoản thị trường được duy trì ở mức cao với giá trị giao dịch bình quân phiên trong tháng 9 đạt mức 2.798 tỷ đồng/phiên.

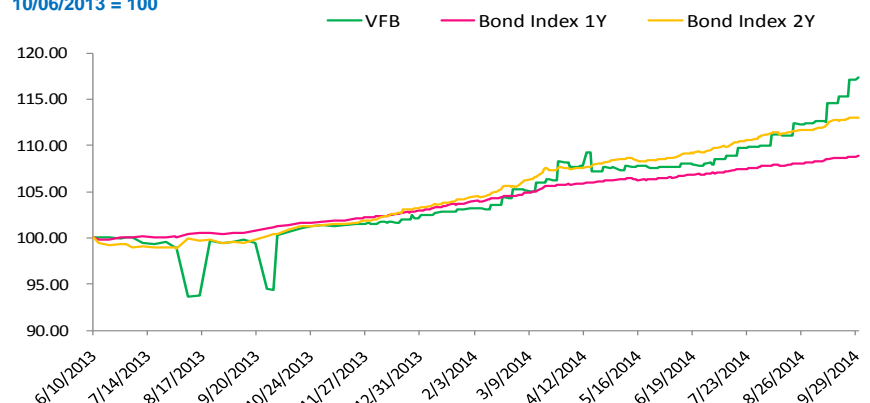
Trong tháng 9, Quỹ VFMVFB vẫn duy trì kết quả hoạt động tốt hơn so với tăng trưởng của chỉ số tham chiếu và kết quả của các quỹ đầu tư trái phiếu khác trên thị trường. Trong tháng không phát sinh hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

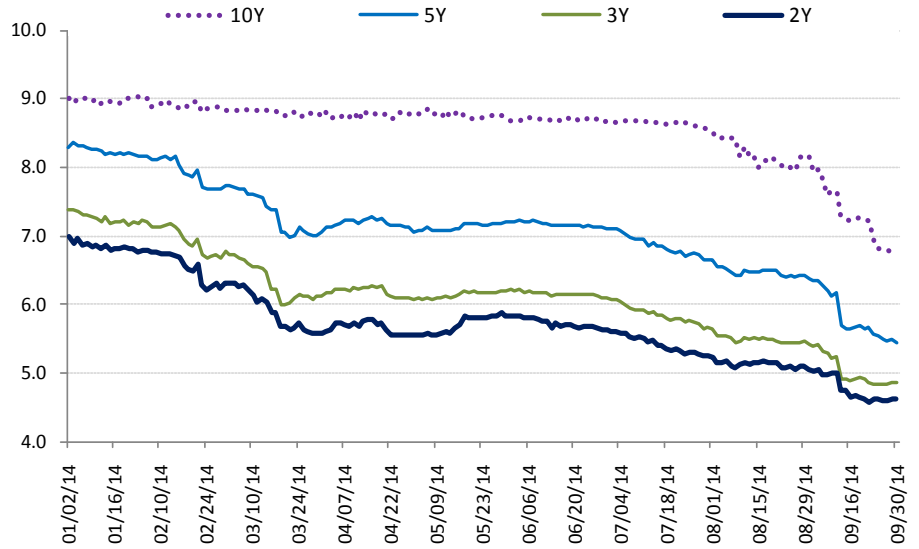
| | NAV/CCQ (đồng) & Index | Tăng trưởng (%) | | | |
|------------------|------------------------|-----------------|---------|-------------------|-------------------------------------|
| | | 1 tháng | 3 tháng | Lũy kế từ đầu năm | Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013) |
| VFMVFB | 11,735.1 | 4.3 | 8.6 | 14.5 | 17.3 |
| Bond-Index 1 năm | 195.5 | 0.6 | 1.7 | 5.7 | 8.8 |
| Bond-Index 2 năm | 210.3 | 1.2 | 3.2 | 9.4 | 13.0 |

TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

10/06/2013 = 100



ĐỒ THỊ ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT



CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

| Tài sản đầu tư | Giới hạn |
|--|----------|
| Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu | 30% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 20% TTS |
| Chứng khoán của một tổ chức phát hành | 10% GTLH |
| Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD | 10% TTS |
| Trái phiếu và CKPS bởi tổ chức phát hành tại VN | 30% TTS |

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành;
ĐKGD: Đăng ký giao dịch; CKPS: Chứng khoán phái sinh)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

HEAD OFFICE

Suite 1701-04, 17th Floor, Melinh Point Tower
2, Ngo Duc Ke, District 1, HCMC
Tel: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Hotline. +84 8 3825 1480

BRANCH OFFICE IN HA NOI

Room 5A2, Level 5A, BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai
Street
Hoan Kiem District, Hanoi
Tel: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com